

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 21/2018/HSST
Ngày 27/4/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Lê Kiên Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoa- Giáo viên trường Tiểu học thị trấn Đông Hưng, huyện Đông Hưng.

Ông Nguyễn Hữu Hiến- Phó Chủ tịch UBND xã Liên Giang, huyện Đông Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Ngọc Tùng– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng , tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2018/HSST ngày 27 tháng 3 năm 2018, theo quyết định xét xử số 22/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Đặng Văn P, sinh ngày 22/8/1982; Nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định được bố đẻ và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1948; có vợ Phạm Thị T1, sinh năm 1984 và có 03 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 26/01/2018 (có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:**

- Bà Phạm Thị G, sinh năm 1959; nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (có mặt).

- Chị Bùi Minh N, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Chị Đoàn Thị H1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Cháu Đào Thị Ngọc D, sinh ngày 24/11/2000; nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp và Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho cháu Đào Thị Ngọc D: Bà Đỗ Thị H2, sinh năm 1965(mẹ đẻ cháu D); nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1948; nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (có mặt).

- Anh Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Trường Q1, sinh năm 1982; nơi cư trú: Khu chợ M, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Anh Vũ Văn Q2, sinh năm 1989; nơi cư trú: Phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

*** Người làm chứng:** Ông Phạm Trọng Q3, sinh năm 1951; nơi cư trú: Tổ 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 21/01/2018, Đặng Văn P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B9 – 044.81 không đội mũ bảo hiểm và đeo khẩu trang đi từ thành phố Thái Bình theo Quốc lộ 10 về ngã 3 thôn Đ, xã Đ thì rẽ vào đường liên xã Đ1 – Đ2 để về nhà ở xã Đ. Khi đi đến đoạn đường bê tông hai bên là cánh đồng khu vực trạm bơm L, xã Đ1 thì P phát hiện thấy bà Phạm Thị G đi xe đạp phía trước ngược chiều. Khi P điều khiển xe đi qua bà G thì P nảy sinh ý định cướp tài sản của bà G. P điều khiển xe mô tô quay lại, vượt lên trước bà G rồi dừng xe lại, mở cốp xe lấy 01 con dao loại dao găm dài 27.7cm, mũi nhọn, phần lưỡi dài 15 cm, phần cán dao bằng nhựa màu đen dài 12.7 cm, sống dao hình răng cưa (con dao này P thường sử dụng để mở nắp thùng sơn khi đi làm lặn sơn thuê). P cầm dao bằng tay phải và đứng ở mé đường đợi, khi bà G đi đến gần thì P đi ra chặn lại và chĩa mũi dao về phía bà G nói “*Có tiền thì đưa ra đây*”, bà G trả lời “*Tao chẳng có gì cả, mày tha cho tao*”, P không nói gì tay phải cầm dao, tay trái sờ vào cổ bà G, bà G dùng tay gạt tay P ra thì P nói “*Bà có gì thì đưa ra đây không thì đừng trách tôi*”, P tiếp tục dùng tay trái sờ vào tai phải của bà G thì thấy có đeo khuyên tai bằng vàng tây, P giật luôn chiếc khuyên tai này làm tai phải của bà G bị chảy máu sau đó P tiếp tục dùng tay trái giật chiếc khuyên tai bên tai trái, P bỏ đôi khuyên tai cướp được vào túi quần đang mặc rồi đi lên thị trấn Đ,

vào cửa hàng vàng bạc H bán cho ông Phạm Trọng Q3 là chủ cửa hàng, sau khi cân tịnh và xem xét tuổi vàng ông Q3 trả giá đôi khuyên tai 840.000 đồng, P thấy rẻ nên không bán và đi về nhà. Khoảng 07 giờ sáng ngày 22/01/2018, P điều khiển xe mô tô đi lên cửa hàng vàng bạc T4 ở tổ 8, thị trấn Đông Hưng bán đôi khuyên tai cho anh Nguyễn Hữu T3 là chủ cửa hàng được 1.200.000 đồng; P đưa cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T 900.000 đồng để đóng tiền học cho con, P không nói cho bà T biết số tiền này do phạm tội mà có, bà T nghĩ là tiền P đi làm nên đã đóng học cho con P hết 830.000 đồng còn 70.000 đồng bà đã dùng để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình; còn lại 300.000 đồng P chi tiêu cá nhân hết. Sáng ngày 22/01/2018 bà G đến Công an huyện Đông Hưng trình báo. Ngày 26/01/2018, Cơ quan điều tra đã quản lý đôi hoa tai này tại cửa hàng vàng bạc T4 ở tổ 8, thị trấn Đông Hưng.

Tại Công văn số 11/AJC/CV-KD ngày 01/02/2018 của Tổng công ty vàng Agribank Việt Nam về việc trả lời kết quả giám định: Đôi khuyên tai có trọng lượng 0,7 chỉ, tuổi vàng 56,12%, thành tiền là 1.407.000 đồng. Ngày 09/02/2018, Cơ quan điều tra đã làm thủ tục gửi bảo quản đôi khuyên tai tại Kho bạc Nhà nước huyện Đông Hưng.

Quá trình điều tra Đặng Văn P còn khai nhận trong khoảng thời gian tháng 11 và tháng 12/2017, P còn thực hiện 03 vụ cướp tài sản khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày 21/11/2017, P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B9 – 044.81 đeo khẩu trang, đội mũ bảo hiểm màu trắng dạng nửa đầu đi từ thành phố T để về nhà ở xã Đ. Khi về đến trục đường bê tông hai bên là cánh đồng thuộc thôn T, xã Đ, huyện Đ thì phát hiện chị Bùi Minh N đi xe đạp điện một mình ở phía trước cùng chiều, P nảy sinh ý định cướp tài sản của chị N. P điều khiển xe mô tô đi lên phía trước xe đạp điện của chị N làm chị N phanh xe gấp và đâm vào phía sau xe mô tô của P. P xuống xe, tay phải rút con dao dạng dao rọc giấy dài 18cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 10cm, mũi dao vát từ trong túi áo khoác bên phải đang mặc đi lại gần và chĩa mũi dao về phía chị N nói “*Bà có gì không đưa đây*” đồng thời tay trái móc vào túi áo khoác bên phải của chị N lấy được 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A5, vỏ màu vàng, P bỏ điện thoại và con dao vào túi áo khoác rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà tháo sim trong điện thoại ra vứt đi. Khoảng 10 giờ ngày 22/11/2017, P đem chiếc điện thoại cướp được của chị N bán cho anh Nguyễn Trường Q1 chủ cửa hàng sửa chữa, mua bán điện thoại di động ở xã Đ, huyện Đ được 3.500.000 đồng, số tiền này P đã chi tiêu cá nhân hết. Anh Q1 khi mua điện thoại của P không biết đó là tài sản do P cướp được; sau khi mua anh Q1 đã bán lại cho anh Vũ Văn Q2 chủ cửa hàng sửa chữa, mua bán điện thoại di động ở phường Q, thành phố T được 4.300.000 đồng, ngày 29/11/2017 anh Q2 đã bán chiếc điện thoại này cho một người khách không biết tên, địa chỉ giá 4.600.000 đồng, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được điện thoại. Ngày 27/02/2018, bà Nguyễn Thị T là

mẹ đẻ của P đã tự nguyện bồi thường cho chị Bùi Minh N số tiền 5.700.000 đồng trị giá chiếc điện thoại.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 58 ngày 27/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đông Hưng kết luận: Chiếc điện thoại Samsung Galaxy A5 trị giá 5.775.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 27 hoặc 28/11/2017, P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B9 – 044.81, đội mũ bảo hiểm dạng nửa đầu, đeo khẩu trang đi từ thành phố T qua xã Đ2 để về nhà ở xã Đ, khi đi đến khu vực nghĩa trang giáp ranh giữa xã Đ2 và xã Đ, huyện Đông Hưng thì phát hiện cháu Đào Thị Ngọc D, sinh ngày 24/11/2000 đi xe đạp điện ở phía trước cùng chiều (cháu D đi học thêm về) nên nảy sinh ý định cướp tài sản. P điều khiển xe mô tô lên phía trước chặn đầu xe của cháu D lại rồi xuống xe đi gần lại chỗ cháu D nói “*Đưa điện thoại đây không tao giết*”, cháu D nói “*Cháu không có*” thì P nói “*Trong cặp mày có gì không*”, cháu D trả lời “*không có gì*”, ngay sau đó P dùng tay trái giật chiếc cặp sách ở phía sau lưng cháu D xuống, mở khóa cặp ra và lục tìm tài sản trong cặp lấy được một điện thoại di động Iphone 5, vỏ màu trắng, có số Imei 013554004603743. P bỏ chiếc điện thoại vào túi áo đang mặc rồi điều khiển xe đi về nhà, tháo sim trong điện thoại vứt đi và lắp sim của P vào sử dụng, Cơ quan điều tra đã quản lý chiếc điện thoại trên và trả lại điện thoại cho cháu D.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 58 ngày 27/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đông Hưng kết luận: Chiếc điện thoại Iphone 5 trị giá 3.500.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 19 giờ ngày 20/12/2017, P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B9 – 044.81, đeo khẩu trang và không đội mũ bảo hiểm đi từ thành phố T về nhà ở xã Đ, huyện Đ, khi đi đến thôn B, xã Đ thì phát hiện chị Đoàn Thị H1 điều khiển xe mô tô chở con trai là Đỗ Đoàn Khánh S, sinh năm 2008 đi phía trước ngược chiều, khi chị H1 đi qua P khoảng 20 mét thì P nảy sinh ý định cướp tài sản của chị H1. P điều khiển xe quay lại đi lên trước và ép xe của chị H1 vào lề đường bên phải. Chị H1 dừng xe, P xuống xe, tay phải rút trong túi áo khoác bên phải ra một con dao dạng dao rọc giấy dài 18cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 10cm, mũi dao vát, chỉ về phía chị H1 và nói “*Có gì không nôn hết ra đây*”, chị H1 nói “*không có gì hết*”, P nói “*có điện thoại không thì đưa đây*” đồng thời dùng tay trái móc vào túi áo khoác của chị lấy 01 điện thoại Oppo Neo 7, màu trắng, có số Imei 861927039979416; P kiểm tra thấy điện thoại cài mật khẩu nên hỏi chị H1 mật khẩu như thế nào, chị H1 trả lời mật khẩu là số “2008”, P bấm mật khẩu mở điện thoại sau đó bỏ điện thoại vào túi áo khoác đang mặc rồi điều khiển xe đi về nhà tháo vứt chiếc sim trong điện thoại đi và lắp sim của P vào để sử dụng, Cơ quan điều tra đã quản lý chiếc điện thoại trên và trả lại điện thoại cho chị H1.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 58 ngày 27/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đông Hưng kết luận: Chiếc điện thoại Oppo Neo7 trị giá 2.467.400 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo P chiếm đoạt được của các bị hại là 13.149.400 đồng (*Mười ba triệu một trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm đồng*).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị cáo đã tác động tới bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ của bị cáo) dùng tiền bị cáo đi làm được để bồi thường trị giá chiếc điện thoại cho chị Bùi Minh N. Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17B9 – 044.81 bị cáo dùng làm P tiện để đi cướp tài sản của các bị hại là của bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ bị cáo) cho bị cáo mượn để đi làm, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe cho bà T.

Tại phiên tòa, bị hại bà Phạm Thị G khai: Bị cáo P tại phiên tòa chính là người đã dùng dao đe dọa giết được đôi khuyên tai vàng tây bà đang đeo trên tai và làm tai phải của bà bị rách chảy máu. Tài sản đã được cơ quan điều tra thu hồi, bà đề nghị Hội đồng xét xử cho bà được nhận lại. Bà không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thương tích do tai bà bị rách. Bị cáo thành khẩn khai báo và có hoàn cảnh khó khăn nên bà đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra các bị hại gồm: Chị Bùi Minh N; chị Đoàn Thị H1; cháu Đào Thị Ngọc D đều khai đã bị Đặng Văn P (sau này mới biết tên) dùng dao và có lời nói đe dọa chiếm đoạt tài sản là điện thoại di động.

Chị Bùi Minh N đã được bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ bị cáo P) bồi thường số tiền 5.700.000 đồng trị giá chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A5, chị đã nhận đủ và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Chị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P.

Chị Đoàn Thị H1 đã được nhận lại chiếc điện thoại di động Oppo Neo7 và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Cháu Đào Thị Ngọc D đã được nhận lại chiếc điện thoại di động Iphone 5. Cháu D cùng bà H2 (là Người đại diện hợp pháp và là Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho cháu D) không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị T khai: Ngày 22/01/2018 P đưa cho bà 900.000 đồng để đóng tiền học cho con, P không nói cho bà biết số tiền này do phạm tội mà có, bà nghĩ là tiền P đi làm nên đã đóng học cho con P hết 830.000 đồng còn 70.000 đồng bà đã dùng để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình.

Sau khi P bị bắt, bà dùng tiền P đi làm tiết kiệm được để bồi thường cho chị Bùi Minh N số tiền 5.700.000 đồng.

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17B9 – 044.81 là của bà đưa tiền cho vợ chồng P mua hộ từ năm 2014 với giá 13.000.000 đồng, sau khi mua bà không làm thủ tục sang tên đổi chủ. Bà cho P mượn để đi làm ăn lấy tiền nuôi con, bà không biết P dùng xe để đi cướp tài sản; nay bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bà chiếc xe trên.

- Anh Nguyễn Hữu T3 khai: Ngày 22/01/2018 anh mua đôi khuyên tai do P bán với giá 1.200.000 đồng, khi mua anh không biết là tài sản do P phạm tội mà có; anh đã nộp lại đôi khuyên tai để phục vụ cho việc điều tra vụ án. Anh yêu cầu P phải hoàn lại cho anh số tiền 1.200.000 đồng.

- Anh Nguyễn Trường Q1 khai: Ngày 22/11/2017 P đã bán cho anh 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A5, vỏ màu vàng với giá 3.500.000 đồng, anh không biết đó là tài sản do P phạm tội mà có; sau khi mua anh đã bán lại cho anh Vũ Văn Q2 chủ của hàng sửa chữa, mua bán điện thoại di động ở phường Đ, thành phố T được 4.300.000 đồng.

- Anh Vũ Văn Q2 khai: anh mua của anh Nguyễn Trường Q1 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A5, vỏ màu vàng với giá 4.300.000 đồng, anh không biết điện thoại do anh Q1 bán là tang vật vụ án; ngày 29/11/2017 anh đã bán chiếc điện thoại này cho một người khách không biết tên, địa chỉ giá 4.600.000 đồng.

Bản cáo trạng số 20/CT-VKSĐH ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng truy tố bị cáo Đặng Văn P về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 38; Điều 50; điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo phải hoàn trả cho anh Nguyễn Hữu T3 số tiền 1.200.000 đồng.

Trả lại cho bà Phạm Thị G 01 đôi khuyên tai vàng tây.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveS biển kiểm soát 17B9 – 044.81.

Trả lại cho Đặng Văn P 01 chứng minh nhân dân mang tên Đặng Văn P.

Tịch thu tiêu hủy: 02 con dao; 01 khẩu trang; 01 mũ lưỡi trai; 01 mũ bảo hiểm; 01 đôi gang tay.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của bản thân và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: 18 giờ ngày 21/01/2018, Đặng Văn P đã có hành vi dùng dao đe dọa bà Phạm Thị G chiếm đoạt 01 đôi khuyên tai vàng tây trị giá 1.407.000 đồng. Ngoài ra ngày 21/11/2017, Đặng Văn P còn thực hiện hành vi dùng dao đe dọa chiếm đoạt của chị Bùi Minh N một điện thoại di động Samsung Galaxy trị giá 5.775.000 đồng; ngày 27 hoặc 28/12/2017 đe dọa cháu Đào Thị Ngọc D chiếm đoạt 01 điện thoại di động Iphone 5 trị giá 3.500.000 đồng; ngày 20/12/2017 có hành vi dùng dao đe dọa chiếm đoạt của chị Đoàn Thị H1 một điện thoại di động Oppo Neo7 trị giá 2.467.400 đồng. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đã sử dụng dao bằng kim loại (được xác định là P tiện nguy hiểm) khống chế, đe dọa làm cho chủ sở hữu tài sản lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản của các bị hại có tổng giá trị là 13.149.400 đồng; bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó bị cáo đã phạm tội “Cướp tài sản” quy định tại Điều

168 Bộ luật Hình sự, với tình tiết định khung tăng nặng “sử dụng phương tiện nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 của Điều luật.

Bị cáo đã thực hiện 03 vụ cướp tài sản trước ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật và 01 vụ cướp tài sản sau ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật; song do khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt ngang nhau nên việc truy tố và xét xử bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 là phù hợp với Điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng thể hiện việc bị cáo chuẩn bị công cụ, phương tiện, thời gian để phạm tội và đối tượng phạm tội bị cáo nhằm đến là phụ nữ, sau đó dùng dao và có lời nói đe dọa xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của các bị hại để chiếm đoạt tài sản của họ, thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong nhân dân. Hậu quả mà bị cáo gây ra phải chịu sự trừng trị của pháp luật

[4] Khi quyết định hình phạt, xét thấy:

Bị cáo 04 lần thực hiện hành vi cướp tài sản của các bị hại nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm s); Tự nguyện bồi thường cho bị hại (điểm b); Tự thú về hành vi phạm tội của mình (điểm r). Ngoài ra bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như: Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; mẹ đẻ bị cáo là thanh niên xung phong và do hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế nên bị cáo không được đi học nên không biết chữ.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt tương xứng để cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện và có tác dụng chung trong việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[6] Về trách nhiệm dân sự: khi mua đôi khuyên tai do P bán, anh Nguyễn Hữu T3 không biết là tài sản do P phạm tội mà có; đôi khuyên tai đã được thu hồi để phục vụ cho việc điều tra vụ án. Vì vậy cần buộc bị cáo P phải hoàn trả cho anh T3 số tiền 1.200.000 đồng mà anh T3 đã bỏ ra mua đôi khuyên tai.

Các bị hại: Chị Đoàn Thị H1; cháu Đào Ngọc D đã được nhận lại tài sản và không có đề nghị gì; chị Bùi Minh N nhận bồi thường số tiền 5.700.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Trách nhiệm dân sự giữa bị cáo với anh Nguyễn Trường Q1 và anh Vũ Văn Q2 không đặt ra giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Đôi khuyên tai vàng tây bị cáo chiếm đoạt cần tuyên trả cho bà Phạm Thị G.

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveS biển kiểm soát 17B9 – 044.81 quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị T cho P mượn để đi làm, bà Tin không biết P dùng xe làm P tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử tuyên trả lại xe cho bà Tin.

- 01 chứng minh nhân dân mang tên Đặng Văn P không liên quan đến việc P phạm tội nên tuyên trả cho P.

- 02 con dao; 01 khẩu trang; 01 mũ lưỡi trai; 01 mũ bảo hiểm; 01 đôi gang tay P sử dụng khi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Bị cáo đã vứt đi 03 chiếc sim điện thoại ở trong 03 chiếc điện thoại cướp được của các bị hại, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không tìm thấy; các bị hại không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; đại diện hợp pháp cho bị hại; người bảo vệ quyền lợi ích pháp cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn P phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự. Điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt: Đặng Văn P 08 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 468, 579, 584, 585 Bộ luật Dân sự.

- Buộc Đặng Văn P phải hoàn trả cho anh Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình số tiền 1.200.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Tuyên trả cho bà Phạm Thị G, sinh năm 1959; nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình 01 đôi khuyên tai vàng tây.

(Đôi khuyên tai trên được gửi giữ tại Kho bạc nhà nước huyện Đông Hưng ngày 12/02/2018)

- Tuyên trả cho bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1948; nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveS biển kiểm soát 17B9 – 044.81.

- Tuyên trả cho Đặng Văn P 01 chứng minh nhân dân.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 02 con dao; 01 khẩu trang; 01 mũ lưỡi trai; 01 mũ bảo hiểm; 01 đôi gang tay.

(Các vật chứng trên đã được bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng ngày 27/3/2018)

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Bị cáo Đặng Văn P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án . Bị hại; người đại diện hợp pháp cho bị hại và là người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND H.Đông Hưng;*
- *Chi cục THADS H.Đông Hưng;*
- *Công an H.Đông Hưng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, cơ quan.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Kiên Trung